

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HSST
Ngày: 01-03-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh.

Ông Đặng Văn Vững.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc: Ông Đỗ Ngọc Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST - HS ngày 04 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn P**, sinh ngày 28/02/1971.

Nơi thường trú: **A N, Phường C, Quận A, Tp .**; Nơi ở hiện tại: **3 Đường số F, phường B, quận B, Tp .**; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: chạy xe ôm; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Đinh Văn N** và bà **Huỳnh Thị L** (đều đã chết); Bản thân có vợ tên **Nguyễn Thị Trúc P1**, có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ **Trần Bửu C**, sinh năm: 1937 (vắng mặt).

Cư trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.**

2/ **Phan Ngọc T**, sinh năm: 1935 (vắng mặt).

Cư trú: **1 N, Phường A, Quận A, Tp .**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ **Trần Thị Ngọc Y**, sinh năm: 1958 (vắng mặt).

Cư trú: **1 N, Phường G, Quận A, Tp ..**

2/ **Lê Thị Ngọc L1**, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Cư trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An**

3/ **Đặng Thị T1**, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Cư trú: **73 L, phường B, quận B, Tp ..**

4/ **Nguyễn Đình C1**, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Cư trú: **122 L, Khu phố A, phường B, quận B, Tp ..**

5/ **Võ Thị N1**, sinh năm: 1954 (vắng mặt).

Cư trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.**

6/ **Nguyễn Thị Trúc P1**, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cư trú: **128/340 Nguyễn Chí T2, Phường C, Quận A, Tp ..**

7/ **Vũ Khắc M**, sinh năm: 1936 (vắng mặt).

Cư trú: **132 Q, phường P, quận T, Tp ..**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 15/12/2020, **Huỳnh Văn P** điều khiển xe mô tô biển số 71B3 – 264.19 đến tịnh thất Tịnh Liên thuộc **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An**, do chị **Lê Thị Ngọc L1** quản lý, bà **Trần Bửu C** là chủ sở hữu, để làm công quả. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, **P** nảy sinh ý định lấy trộm chân nến đem bán lấy tiền tiêu xài nên **P** đi lên khu vực chánh điện lấy trộm: 01 cặp chân nến trơn, cao 51 cm, đĩa rộng 29 cm tại bàn thờ Phật; 01 cặp chân nến có hoa văn, cao 46 cm, đĩa rộng 23,5 cm trên bàn thờ Tổ Sư; 01 cặp chân nến có hoa văn, cao 33 cm, đĩa rộng 17,5 cm trên bàn thờ quan âm **Chuẩn Đ** và 01 cặp chân nến có hoa văn, cao 31 cm, đĩa rộng 17 cm trên bàn thờ Cửu Huyền. Sau đó, **P** tháo rời các cặp chân nến cất giấu vào bao nylon để lên xe mô tô biển số 71B3 – 264.19, rồi chở đến tiệm thu mua phế liệu tại địa chỉ: **A L, Khu phố A, phường B, quận B, Tp ..**, bán cho anh **Nguyễn Đình C1** được số tiền 880.000 đồng, **P** đã sử dụng tiền xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 95/KLĐG ngày 19/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện C, tỉnh Long An**, kết luận các tài sản

vừa nêu có tổng giá trị là 3.920.000 đồng (*Ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, **Huỳnh Văn P** khai nhận trước đó còn thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 11 giờ ngày 10/12/2020, **P** biết được nhà thờ tổ của bà **Phan Ngọc T** kê bên tịnh thất Tịnh Liên không có người trông coi nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà **T** lấy trộm lư hương và chân nến để bán lấy tiền tiêu xài. **P** đi vào khu vực nhà trên lấy trộm tại bàn thờ Cửu Huyền gồm: 01 bộ lư hương, cao 64 cm, rộng 23,5 cm và 01 cặp chân nến tròn, cao 47 cm, đĩa rộng 23,5 cm; lấy trộm tại bàn thờ Phật 01 cặp chân nến tròn, cao 42 cm, đĩa rộng 25 cm. Sau đó, **P** tháo rời lư hương và chân nến ra cất giấu vào bao nylon để lên xe mô tô biển số 71B3 – 264.19, rồi chở đến tiệm thu mua phế liệu tại địa chỉ: **số G L, phường B, quận B, Tp .**, bán cho chị **Đặng Thị T1** được số tiền 1.950.000 đồng, **P** đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 92/KLĐG ngày 19/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện C, tỉnh Long An**, kết luận các tài sản vừa nêu có tổng giá trị là 4.750.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Lần thứ hai: khoảng 11 giờ ngày 13/12/2020, **P** tiếp tục đột nhập vào nhà thờ tổ của bà **Phan Ngọc T** lấy trộm tại bàn thờ Cửu Huyền nhỏ: 01 bộ lư hương, cao 55 cm và 01 cặp chân nến tròn, cao 40 cm. Sau đó, **P** tháo rời lư hương và chân nến ra cất giấu vào bao nylon để lên xe mô tô biển số 71B3 – 264.19, rồi chở đến khu vực thuộc **quận B, Tp .**, bán cho một người phụ nữ thu mua ve chai không rõ họ tên, địa chỉ với giá 1.500.000 đồng, **P** đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 93/KLĐG ngày 19/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện C, tỉnh Long An**, kết luận các tài sản vừa nêu có tổng giá trị là 3.460.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Lần thứ ba: khoảng 11 giờ ngày 14/12/2020, **P** tiếp tục đột nhập vào nhà thờ tổ của bà **Phan Ngọc T** lấy trộm trên tủ thờ 01 cặp chân nến tròn, cao 37,5 cm, đĩa rộng 22,5 cm. Sau đó, **P** tháo rời chân nến ra cất giấu vào bao nylon để lên xe mô tô biển số 71B3 – 264.19, rồi chở đến tiệm thu mua phế liệu tại địa chỉ: **A L, khu phố A, phường B, quận B, Tp .**, bán cho anh **Nguyễn Đình C1** được số tiền 520.000 đồng, **P** đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 94/KLĐG ngày 19/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện C, tỉnh Long An**, kết luận các tài sản vừa nêu có giá trị 630.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSCG, ngày 04/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt: **Huỳnh Văn P** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tang vật: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ: 01 bộ lư hương và 02 cặp chân nến do chị **Đặng Thị T1** giao nộp; 05 cặp chân nến do anh **Nguyễn Đình C1** giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho chủ sở hữu là bà **Trần Bửu C** bốn cặp chân nến và bà **Phan Ngọc T** một bộ lư và ba cặp chân nến, là phù hợp. Đối với 01 xe mô tô biển số 71B3 – 264.19 do bị cáo giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị **Nguyễn Thị Trúc P1** (vợ bị cáo) cho bị cáo mượn làm phương tiện đi lại, nhưng bị cáo sử dụng để lấy trộm tài sản chị **P1** không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả xe cho chị **P1** là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà **Trần Bửu C** và bà **Phan Ngọc T** đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị **Đặng Thị T1** và anh **Nguyễn Đình C1** không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mua tài sản. Nên đề nghị không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo trong lời nói sau cùng: bị cáo nhận tội, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện C**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện

đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị cáo có ý kiến là không tiếp tục yêu cầu ông **Đặng Huỳnh L2** – Luật sư – Văn phòng luật sư **Huyền V** – Đoàn luật sư **T3** tham gia tố tụng để bào chữa cho bị cáo.

[2] Trong khoảng thời gian từ ngày 10/12/2020 đến ngày 15/12/2020, **Huỳnh Văn P** đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn **huyện C**, cụ thể: ngày 10/12/2020, **P** lấy trộm 01 bộ lư hương và 02 cặp chân nến, trị giá 4.750.000 đồng tại nhà thờ tổ của bà **Phan Ngọc T**; ngày 13/12/2020, **P** tiếp tục lấy trộm 01 bộ lư hương và 01 cặp chân nến, trị giá 3.460.000 đồng tại nhà thờ tổ của bà **Phan Ngọc T**; ngày 14/12/2020, **P** tiếp tục lấy trộm 01 cặp chân nến trị giá 630.000 đồng tại nhà thờ tổ của bà **Phan Ngọc T**; ngày 15/12/2020, tại tỉnh thất Tịnh Liên, **P** lấy trộm 04 cặp chân nến trị giá 3.920.000 đồng của bà **Trần Bửu C**. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà **P** đã chiếm đoạt là 12.760.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản, bị cáo **P** đều sử dụng xe mô tô biển số 71B3 – 264.19 chở tài sản trộm được đến bán cho chị **Đặng Thị T1**, anh **Nguyễn Đình C1** và một người phụ nữ không rõ nhân thân thu lợi được số tiền 4.850.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 114/HSST, ngày 27 tháng 10 năm 2021, xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn P** 01 năm 04 tháng tù. Sau đó bị cáo **P** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bản án hình sự phúc thẩm số 75/2023/HSPT, ngày 16 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc để điều tra lại theo thủ tục chung, với lý do xác định sai tư cách bị hại và bị cáo **Huỳnh Văn P** kêu oan, không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà do ông **M** ở trọ **số B, Miếu B, phường B, quận B, Tp .** thực hiện hành vi trộm tài sản. Quá trình điều tra lại và tại phiên tòa sơ thẩm lần 2, bị cáo **P** thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình và trình bày là do sợ bị tù, nên trước đây khai là do đối tượng tên “**M**” thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo 04 lần trộm cắp tài sản, trong đó có 03 lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, đủ định

lượng truy cứu trách nhiệm hình sự là tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhưng tại phiên tòa sơ thẩm lần 2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo cũng đủ răn đe, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với chị **Đặng Thị T1** và anh **Nguyễn Đình C1** đã mua tài sản do bị cáo **P** bán, nhưng cả hai không biết đó là tài sản do bị cáo **P** trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** không xem xét xử lý. Đối với người phụ nữ đã mua tài sản mà **P** bán vào ngày 13/12/2020, không xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý, là phù hợp.

[9] Tang vật: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra xác định 01 (một) xe mô tô biển số 71B3 – 264.19 là tài sản hợp pháp của chị **Nguyễn Thị Trúc P1** (là vợ bị cáo) cho bị cáo mượn làm phương tiện đi lại, nhưng bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, chị **P1** không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả xe cho chị **P1**. Đối với 01 bộ lư hương và 02 cặp chân nến do chị **Đặng Thị T1** giao nộp; 05 cặp chân nến do anh **Nguyễn Đình C1** giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà **Trần Bửu C** (bốn cặp chân nến) và bà **Phan Ngọc T** (một bộ lư và ba cặp chân nến) nên đã trao trả cho các chủ sở hữu. Là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Trách nhiệm dân sự: bị hại bà **Trần Bửu C** đã nhận lại tài sản bị mất, tại phiên tòa vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 333*) không yêu cầu bồi thường và bị hại bà **Phan Ngọc T** đã nhận lại tài sản bị mất, mặc dù không đủ, còn một bộ lư và một cặp chân nến chưa thu hồi được, tại phiên tòa vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 340-341*) không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị **Đặng Thị T1** và anh **Nguyễn Đình C1** tại phiên tòa vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 79 đến 82*) không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua tài sản do bị cáo bán, nên không xem xét.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Văn P** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Huỳnh Văn P** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/3/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Bắt, tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (01/3/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CA huyện Cần Giuộc;
- THA huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cần Giuộc, ngày 01 tháng 3 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 01 tháng 3 năm 2024.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh.
Ông Đặng Văn Vững.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HS, ngày 04/01/2024 đối với bị cáo: Huỳnh Văn Phát.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Phát phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Huỳnh Văn Phát 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/3/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Bắt, tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (01/3/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

NGUYỄN CÔNG DANH – ĐẶNG VĂN VŨNG NGUYỄN ĐỨC BẢO